

**TÓA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Điền, ngày 02 tháng 3 năm 2018

Số: 16/2018/QĐST-HNGĐ

V/v công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con khi ly hôn.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2018/TLST/HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2018 của những người yêu cầu:

Anh Dương Văn M; sinh năm: 1978.

Chị Nguyễn Thị S; sinh năm: 1982.

Cùng nơi cư trú: Thôn Đông L, xã Quảng V, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Văn M và chị Nguyễn Thị S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 05 con chung là Dương Thị Khánh H, sinh ngày: 12/11/2001; Dương Thị Khánh N, sinh ngày: 19/3/2005; Dương Thị Khánh B, sinh ngày: 04/3/2008; Dương Thị Khánh H, sinh ngày: 08/02/2010 và Dương Văn K, sinh

ngày: 20/6/2016 cho chị S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị S tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị S đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2013/002565, ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền; chị S đã nộp đủ lệ phí ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Q.Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND xã Quảng Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Trương Cao Sơn